

Số: 11/ĐA-SCT

Vĩnh Long, ngày 29 tháng 6 năm 2025

ĐỀ ÁN

**THÀNH LẬP SỞ CÔNG THƯƠNG THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
VĨNH LONG TRÊN CƠ SỞ HỢP NHẤT SỞ CÔNG THƯƠNG THUỘC
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE, SỞ CÔNG THƯƠNG THUỘC ỦY
BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH VÀ SỞ CÔNG THƯƠNG THUỘC
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

Phần thứ nhất

**THỰC TRẠNG TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC SỞ CÔNG THƯƠNG
THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE, TỈNH TRÀ VINH, TỈNH
VĨNH LONG TRƯỚC KHI HỢP NHẤT**

**I. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC SỞ CÔNG
THƯƠNG TRƯỚC KHI HỢP NHẤT**

A. SỞ CÔNG THƯƠNG THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

1. Thông tin chung

a) Tên gọi: Sở Công Thương tỉnh Bến tre

- Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh (nếu có): Không có

- Thuộc: Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre

b) Địa chỉ trụ sở chính: Số 126A, đường Nguyễn Thị Định, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Số điện thoại: 02753.822365

- Website (nếu có): <https://congthuongbentre.gov.vn>

c) Quyết định thành lập, cho phép thành lập: Quyết định số 671/QĐ-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc hợp nhất Sở Công nghiệp với Sở Thương mại – Du lịch thành Sở Công Thương.

d) Chức năng, nhiệm vụ: Thực hiện theo Quyết định số 33/2022/QĐ-UBND ngày 20 tháng 09 năm 2022 của UBND tỉnh Bến Tre về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương tỉnh Bến Tre; Quyết định số 25/2024/QĐ-UBND ngày 02 tháng 08 năm 2024 của UBND tỉnh Bến Tre về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương tỉnh Bến Tre; Quyết định số 13/2025/QĐ-UBND ngày 01 tháng 03 năm 2025 của UBND tỉnh Bến Tre về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre. Quyết định số 28/2025/QĐ-UBND ngày 09 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định 33/2022/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương tỉnh Bến Tre và Quyết định số 13/2025/QĐ-UBND ngày 01 tháng

3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Thanh tra tỉnh, Sở Tư pháp, Sở Công Thương).

2. Cơ cấu tổ chức

a) Lãnh đạo Sở: có Giám đốc và 03 Phó Giám đốc.

b) Cơ cấu tổ chức các phòng, ban và đơn vị thuộc Sở:

- Văn phòng Sở;
- Phòng Quản lý Thương mại;
- Phòng Quản lý Công nghiệp;
- Phòng Quản lý Năng lượng;

c) Các Chi cục thuộc Sở: Chi cục Quản lý thị trường;

d) các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở

Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại.

3. Vị trí việc làm, biên chế công chức, số lượng người làm việc theo vị trí việc làm, cơ cấu công chức theo ngạch, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp

- Tổng số chỉ tiêu công chức được giao 86 biên chế (Sở Công Thương 40 biên chế; Chi cục Quản lý thị trường 46 biên chế); hiện có 85 công chức (Sở Công Thương 39 biên chế; Chi cục Quản lý thị trường 46 biên chế).

- Tổng số chỉ tiêu viên chức được giao 17 biên chế; hiện có 17 viên chức (Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại).

- Tổng số chỉ tiêu hợp đồng lao động theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP được giao 04 lao động; hiện có 04 hợp đồng (Khối Văn phòng Sở 02 lao động, Chi cục Quản lý thị trường 02 lao động).

Tổng hợp thực trạng số lượng công chức và viên chức (đến ngày 30/4/2025) như sau:

T T	Phòng, đơn vị thuộc Sở	Tổng biên chế giao 2025	Tổng số công chức, viên chức thực hiện			Số CC, VC hiện có theo cơ cấu ngạch/Chức danh nghề nghiệp				
			Tổng Tổng CC/ VC có mặt	Trưởng phòng	Phó trưởng phòng	Công chức/ viên chức	CVCC hoặc tương đương	CVC hoặc tương đương	CV hoặc tương đương	Cán sự hoặc tương đương
I. Lãnh đạo Sở		04	04			02	02			
1	Giám đốc	01	01			01				
2	Phó Giám đốc	03	03			01	02			

II. Các tổ chức tham mưu, chuyên môn, nghiệp vụ		36	35	5	8	22		17	18		
1	Văn phòng	12	11	01	03	07		08	03		
2	Thanh tra	05	05	01	01	03		02	03		
3	Phòng Quản lý thương mại	06	06	01	01	04		03	03		
4	Phòng Quản lý công nghiệp	08	08	01	02	05		02	06		
5	Phòng Quản lý năng lượng	05	05	01	01	03		02	03		
III. Chi cục thuộc Sở		46	46	07	08	31		04	40	02	
1	Ban lãnh đạo	02	02	01	01			02			
2	Phòng Tổ chức Hành chính	07	07	01	01	05		01	06		
3	Phòng Nghiệp vụ - Tổng hợp	06	06	01	01	04			06		
4	Đội Quản lý thị trường số 1	09	09	01	01	07		01	08		
5	Đội Quản lý thị trường số 2	11	11	01	02	08			10	01	
6	Đội Quản lý thị trường số 3	06	06	01	01	04			05	01	
7	Đội Quản lý thị trường số 4	05	05	01	01	03			05		

IV. Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở											
1	Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại	17	17	02	03	12		05	12		
1.1	Ban Lãnh đạo	02	02	01	01			01	01		
1.2	Phòng hành chính – tổng hợp	07	07	01	01	05		01	06		
1.3	Phòng Khuyến công và Xúc tiến thương mại	08	08		01	07		03	05		

4. Số lượng, chất lượng của công chức, viên chức

(Kèm theo Phụ lục 01)

5. Tài chính, tài sản, cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc, đất đai

5.1 Khối Văn phòng Sở

Trụ sở có 02 tầng trong khu nhà làm việc 06 Sở (do Trung tâm Phát triển nhà quản lý) với tổng diện tích sử dụng khoảng 1.500 m²; trong đó, có 01 hội trường (150 chỗ), 01 phòng họp giao ban (80 chỗ), 01 phòng tiếp dân, 01 phòng tiếp khách, 04 phòng làm việc Ban Giám đốc Sở, 10 phòng làm việc của các phòng chuyên môn, 01 kho lưu trữ tài liệu, 02 kho vật dụng.

Thiết bị có 46 máy tính, 16 máy in, 66 bàn họp, 53 bàn làm việc, 38 tủ hồ sơ, 01 xe ô tô dùng chung 08 chỗ hãng Toyota,...

Công tác tài chính đến ngày 30/4/2025: kinh phí tự chủ là 6.038.044.852 đồng; kinh phí không tự chủ là 1.501.453.978 đồng; kinh phí Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới là 511.050.752 đồng; vốn đầu tư công là 51.246.810 đồng.

5.2 Chi cục Quản lý Thị trường

Trụ sở Chi cục và Đội cơ động: nhà làm việc 5 tầng, kho tang vật 2 tầng, nhà khám xe 1 tầng với tổng diện tích sử dụng khoảng 2.028,5 m²; trong đó nhà làm việc 5 tầng có: 01 hội trường (100 chỗ), 01 phòng họp trực tuyến (30 chỗ), 02 phòng làm việc Ban lãnh đạo, 07 phòng làm việc của các phòng chuyên môn, 03 kho lưu trữ tài liệu,

01 phòng quản trị mạng, 01 phòng tiếp nhận và trả kết quả, 01 phòng nghỉ trực, 02 phòng làm việc Đội cơ động (đội 4), 09 phòng chưa sử dụng. Trụ sở Chi Cục QLTT (cũ): Cơ sở vật chất có 01 tòa nhà 05 tầng với tổng diện tích sử dụng khoảng 531 m² (đang xin làm trụ sở chính cho Đội 1). Trụ sở làm việc tại đội 1, 2, 3: Cơ sở vật chất có 08 nhà làm việc với tổng diện tích sử dụng khoảng 2.211,5 m².

Thiết bị có 07 máy photocopy, 72 máy tính, 04 máy tính bảng, 29 máy in, 07 máy scan, 02 máy Fax, 26 máy điều hòa nhiệt độ, 07 tủ lạnh, 01 tủ đông, 09 tivi, 10 camera, 01 máy đo chỉ số Octane trong xăng dầu, 01 máy phát điện dự phòng cơ quan, 02 máy chụp ảnh và quay phim, 02 máy chiếu, 01 hệ thống camera quan sát, âm thanh cơ quan, 01 hệ thống thiết bị kho lạnh, 01 hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến, 02 tủ két sắt, 37 tủ hồ sơ, 32 bàn làm việc, 15 bộ bàn ghế tiếp khách, 33 bàn họp gỗ, 06 xe ô tô (gồm: 01 xe 16 chỗ, 01 xe 8 chỗ, 04 xe bán tải 5 chỗ), 03 xe gắn máy...

Công tác tài chính đến ngày 30/4/2025: kinh phí tự chủ 5.042.986.049 đồng, kinh phí không tự chủ 424.031.812 đồng, nguồn thu nộp phạt 645.617.365 đồng.

5.3 Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến Thương mại

Thiết bị gồm 18 máy tính, 02 máy in, 02 cái bàn họp, 02 bàn tiếp khách, 17 bàn làm việc, 01 tủ lạnh, 15 tủ hồ sơ và 1 két sắt.

Công tác tài chính đến ngày 30/4/2025: Kinh phí tự chủ 1.570.993.632 đồng, kinh phí không tự chủ 8.681.183.320 đồng (bao gồm dự toán đề nghị hủy trong năm 2025: 443.000.000 đồng).

B. SỞ CÔNG THƯƠNG THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

1. Thông tin chung

a) Tên gọi: Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh

- Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh (nếu có): Không có

- Thuộc: Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh

b) Địa chỉ: Số 02, đường Lý Tự Trọng, phường 1, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

- Số điện thoại: 02943852594

- Website (nếu có): <https://sct.travinh.gov.vn/> Email: sct@travinh.gov.vn

c) Quyết định thành lập, cho phép thành lập: Quyết định số 423/QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2008 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc hợp nhất Sở Công nghiệp với Sở Thương mại và Du lịch thành Sở Công Thương Trà Vinh.

d) Chức năng, nhiệm vụ: Thực hiện theo Quyết định số 25/2025/QĐ-UBND ngày 10 tháng 03 năm 2025 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh.

2. Cơ cấu tổ chức

b) Lãnh đạo Sở: có Giám đốc và 03 Phó Giám đốc.

b) Cơ cấu tổ chức các phòng, ban và đơn vị thuộc Sở:

- Văn phòng Sở;
- Thanh tra Sở;
- Phòng Quản lý Thương mại;
- Phòng Quản lý Công nghiệp.

c) Chi cục thuộc Sở: Chi cục Quản lý thị trường.

d) Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở

Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại đã tổ chức lại trên cơ sở hợp nhất các Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp trực thuộc Sở Tài chính và Trung tâm Xúc tiến Du lịch trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch trực thuộc Sở Tài chính tỉnh Trà Vinh theo Quyết định số 636/QĐ-UBND ngày 26/3/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

3. Vị trí việc làm, biên chế công chức, số lượng người làm việc theo vị trí việc làm, cơ cấu công chức theo ngạch, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp

- Tổng số chỉ tiêu công chức được giao 72 biên chế (Sở Công Thương 33 công chức; Chi cục Quản thị trường 39 công chức); hiện có 72 công chức (Sở Công Thương: 33 công chức; Chi cục Quản thị trường: 39 công chức).

- Tổng số chỉ tiêu hợp đồng lao động theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP được giao 06 lao động; hiện có 04 hợp đồng (Sở Công Thương 03 lao động; Chi cục Quản thị trường 01 lao động).

Tổng hợp thực trạng số lượng công chức và viên chức (đến ngày 30/4/2025) như sau:

TT	Phòng, đơn vị thuộc Sở	Tổng biên chế giao 2025	Tổng số công chức, viên chức thực hiện				Số CC, VC hiện có theo cơ cấu ngạch/Chức danh nghề nghiệp				
			Tổng Tổng CC/VC có mặt	Trưởng phòng	Phó trưởng phòng	Công chức/viên chức	CVCC hoặc tương đương	CVC hoặc tương đương	CV hoặc tương đương	Cán sự hoặc tương đương	Nhân viên hoặc tương đương
I. Lãnh đạo Sở		04	04				01	03			
1	Giám đốc	01	01				01				
2	Phó Giám đốc	03	03					03			
II. Các tổ chức tham mưu, chuyên môn, nghiệp vụ		29	29	03	07	19		09	20		
1	Văn phòng	8	8	0	2	6		3	5		
2	Thanh tra Sở	5	5	1	1	3		2	3		
3	Phòng Quản lý Thương mại	8	8	1	2	5		2	6		
4	Phòng Quản lý Công nghiệp	8	8	1	2	5		2	6		
III. Chi cục thuộc Sở		40	39	05	07	27		05	31	03	
1	Ban lãnh đạo	04	03		03			03			
2	Phòng Tổ chức – Hành chính	07	07	01		06			07		
3	Phòng Nghiệp vụ - Tổng hợp	08	08	01	01	06		01	05	02	
4	Đội Quản lý thị trường số 1	05	05	01	01	03		01	04		
5	Đội Quản lý thị trường số 2	06	06	01		05			05	01	

6	Đội Quản lý thị trường số 3	05	05		01	04			05		
7	Đội Quản lý thị trường số 4	05	05	01	01	03			05		

4. Số lượng, chất lượng của công chức, viên chức

(Kèm theo Phụ lục 01)

5. Tài chính, tài sản, cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc, đất đai

5.1 Khối Văn phòng Sở

Cơ sở vật chất có 01 tòa nhà 02 tầng với tổng diện tích sử dụng khoảng 1.250 m²; trong đó, có 01 hội trường (70 chỗ), 01 phòng họp giao ban (20 chỗ), 04 phòng làm việc Ban Giám đốc Sở, 05 phòng làm việc và 01 phòng tiếp công dân, 02 kho lưu trữ tài liệu.

Thiết bị có 02 máy photo; 35 máy tính (gồm 29 máy vi tính để bàn và 06 máy vi tính xách tay); 14 máy lạnh; 02 máy scan; 01 máy ảnh; 02 bộ bàn ghế phòng họp (gồm 30 ghế đại biểu); 01 bộ bàn ghế tiếp khách; 33 bàn làm việc; 01 máy chiếu; 08 kệ lưu trữ hồ sơ; máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung khác (01 máy chủ IBM X3500 MB; 01 máy chủ IBM System x3250M4; phần mềm ứng dụng (01 phần mềm kế toán MISA, phần mềm lưu trữ cơ sở dữ liệu ngành); 01 xe ô tô Toyota 05 chỗ; ...

Công tác tài chính đến ngày 30/4/2025: kinh phí tự chủ 4.526.148.310 đồng; kinh phí không tự chủ 2.031.468.214 đồng; kinh phí hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa (Nguồn NSTW) 576.000.000 đồng.

5.2 Chi cục Quản lý Thị trường

Cơ sở vật chất Chi cục Quản lý Thị trường có 01 tòa nhà 02 tầng với tổng diện tích sử dụng khoảng 290,9 m²; trong đó, có 01 hội trường (40 chỗ), 03 phòng làm việc Ban lãnh đạo, 02 phòng làm việc của các phòng chuyên môn, 01 kho lưu trữ tài sản hàng hóa tịch thu, 01 có kho lưu trữ tài liệu. Đội Quản lý thị trường số 1 có 01 tòa nhà 01 tầng với tổng diện tích sử dụng khoảng 309,8 m²; trong đó có 01 hội trường (15 chỗ), 01 phòng làm việc Ban lãnh đạo, 01 phòng làm việc của các phòng chuyên môn, 01 kho lưu trữ tài sản hàng hóa tịch thu, không có kho lưu trữ tài liệu. Đội Quản lý thị trường số 2 có 01 tòa nhà 01 tầng với tổng diện tích sử dụng khoảng 286,7 m²; trong đó, có 01 hội trường (15 chỗ), 01 phòng làm việc Ban lãnh đạo, 01 phòng làm việc của các phòng chuyên môn, 01 kho lưu trữ tài sản hàng hóa tịch thu, không có kho lưu trữ tài liệu. Đội Quản lý thị trường số 3 có 01 tòa nhà 01 tầng với tổng diện tích sử dụng khoảng 255,7 m²; trong đó có 01 hội trường (15 chỗ), 01 phòng làm việc Ban lãnh đạo, 01 phòng làm việc của các phòng chuyên môn, 01 kho lưu trữ tài sản hàng hóa tịch thu, không có kho lưu trữ tài liệu. Đội Quản lý thị trường số 4 có 01 tòa nhà 01

tầng với tổng diện tích sử dụng khoảng 130,6 m²; trong đó có 01 hội trường (15 chỗ), 01 phòng làm việc Ban lãnh đạo, 01 phòng làm việc của các phòng chuyên môn, 01 kho lưu trữ tài sản hàng hóa tịch thu, không có kho lưu trữ tài liệu.

Thiết bị có 05 máy photo; 06 máy tính để bàn; 32 máy tính xách tay; 01 Máy tính bảng IPAD; 08 máy tính xách tay chuyên dùng; 01 máy tính, 01 máy in (mật) để bàn; 08 máy Scan; 25 máy lạnh; 12 máy in xách tay chuyên dùng; 06 máy in để bàn; 04 máy phát điện; 04 máy ảnh; 04 máy ghi âm; 01 két sắt; 01 máy chiếu, màn chiếu; 01 bộ thiết bị hội nghị trực tuyến gồm (04 màn hình Ti vi, 1 bộ máy vi tính, camera, amly, 02 loa tròn, 04 Mic không dây cổ vịt); 05 màn hình, 05 ổ cứng ghi hình giám sát; 05 đầu ghi; 20 camera quan sát kho chứa tang vật vi phạm hành chính; 03 màn hình ti vi, 03 camera trong nhà, 02 camera ngoài trời quan sát cơ quan; 05 bộ bàn họp; 28 cái bàn họp gỗ (bàn học sinh); 85 cái đai ghế (gỗ cẩm); 33 cái ghế đai; 01 bục thuyết trình; 06 bộ xalon; 25 bàn làm việc, 05 tủ lạnh, 07 máy nước nóng lạnh; 22 tủ hồ sơ, 40 kệ chứa hàng hóa tang vật; 05 kệ sắc chứa lưu trữ tài liệu; xe ô tô có 02 xe (01 xe ô tô 07 chỗ, 01 xe ô tô 16 chỗ); xe gắn máy có 21 xe. Công cụ hỗ trợ có 25 khẩu súng đạn cay; 03 cây dùi cui điện

Công tác tài chính đến ngày 30/4/2025: kinh phí tự chủ 3.554.879.261 đồng,.

C. SỞ CÔNG THƯƠNG THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

1. Thông tin chung

a) Tên gọi: Sở Công Thương tỉnh Vĩnh Long

- Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh (nếu có): Không có

- Thuộc: Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long

b) Địa chỉ trụ sở chính: Số 02, đường Hùng Vương, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

- Số điện thoại: 02703.830.330 Fax: 02703.826.347

- Website (nếu có): sct.vinhlong.gov.vn. Email: Scongthuong@vinhlong.gov.vn

c) Quyết định thành lập, cho phép thành lập: Quyết định số 489/QĐ-UBND ngày 26/3/2008 về việc thành lập Sở Công Thương tỉnh Vĩnh Long.

d) Chức năng, nhiệm vụ: Thực hiện theo Quyết định số 10/2025/QĐ-UBND ngày 26 tháng 2 năm 2025 của UBND tỉnh Vĩnh Long về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương tỉnh Vĩnh Long.

2. Cơ cấu tổ chức

b) Lãnh đạo Sở: Giám đốc và 03 Phó Giám đốc.

b) Cơ cấu tổ chức các phòng, ban và đơn vị thuộc Sở:

- Văn phòng Sở;

- Thanh tra Sở;

- Phòng Quản lý Thương mại;

- Phòng Quản lý Công nghiệp và Năng lượng.

c) Chi cục thuộc Sở: Chi cục Quản lý thị trường.

d) Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở

- Trung Tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại;

- Ban Quản lý Chợ Vĩnh Long.

3. Vị trí việc làm, biên chế công chức, số lượng người làm việc theo vị trí việc làm, cơ cấu công chức theo ngạch, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp

- Tổng số chỉ tiêu công chức được giao 89 biên chế (Sở Công Thương: 46 công chức; Chi cục Quản thị trường: 43 công chức); hiện có 82 công chức (Sở Công Thương: 39 công chức; Chi cục Quản thị trường: 43 công chức).

- Tổng số chỉ tiêu viên chức được giao 64 biên chế (Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại: 34 viên chức; Ban Quản lý Chợ Vĩnh Long: 30 viên chức); hiện có 52 viên chức (Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại: 32 viên chức; Ban Quản lý Chợ Vĩnh Long: 20 viên chức).

- Tổng số chỉ tiêu hợp đồng lao động theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP được giao 06 lao động; hiện có 06 hợp đồng (Khối Văn phòng Sở 03 lao động, Chi cục Quản lý thị trường 03 lao động).

Tổng hợp thực trạng số lượng công chức và viên chức (đến ngày 30/4/2025) như sau:

T	T	Phòng, đơn vị thuộc Sở	Tổng biên chế giao 2025	Tổng số công chức, viên chức thực hiện			Số CC, VC hiện có theo cơ cấu ngạch/Chức danh nghề nghiệp				
				Tổng CC/VC có mặt	Trưởng phòng	Phó trưởng phòng	Công chức/viên chức	CVCC hoặc tương đương	CVC hoặc tương đương	CV hoặc tương đương	Cán sự hoặc tương đương
I. Lãnh đạo Sở			04	02			01	01			
1		Giám đốc	01	01			01				
2		Phó Giám đốc	03	01				01			
II. Các tổ chức tham mưu, chuyên môn, nghiệp vụ			42	37	04	08	25	10	27		
1		Văn phòng	14	14	01	03	10		05	09	
2		Thanh tra	10	06	01	01	04			06	
3		Phòng Quản lý Thương mại	08	08	01	02	05		02	06	

4	Phòng Quản lý Công nghiệp và Năng lượng	10	09	01	02	06		03	06		
III. Chi cục thuộc Sở		43	43	07	10	26	01	07	34	01	
1	Ban lãnh đạo	03	03	01	02		01	02			
2	Phòng Tổ chức – Hành chính	06	06	01	01	04		01	05		
3	Phòng Nghiệp vụ - Tổng hợp	05	05	01	01	03		01	04		
4	Đội Quản lý thị trường số 1	08	08	01	02	05			07	01	
5	Đội Quản lý thị trường số 2	07	07	01	01	05		02	05		
6	Đội Quản lý thị trường số 3	06	06	01	01	04			06		
7	Đội Quản lý thị trường số 4	08	08	01	02	05		01	07		
IV. Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở		64	52	04	10	38		05	36	05	06
1	Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại	34	32	02	06	24		04	25	03	
1.1	Ban Lãnh đạo	05	05	01	04			04	01		
1.2	Phòng hành chính – tổng hợp	07	07			07			04	03	
1.3	Phòng Khuyến công	07	06		01	05			06		

1.4	Phòng Xúc tiên thương mại	08	08			08			08		
1.5	Phòng Tư vấn phát triển Công nghiệp	07	06	01	01	04			06		
2	Ban Quản lý Chợ Vĩnh Long	30	20	02	04	14		01	11	02	06
2.1	Ban lãnh đạo	04	03		03				03		
2.2	Phòng Hành chính - Tổ chức	09	05			05			04	01	
2.3	Phòng Nghị vụ Kỹ thuật	08	05	01		04			03	01	01
2.4	Phòng Bảo vệ Trật tự	09	07	01	01	05		01	01		05

4. Số lượng, chất lượng của công chức, viên chức

(Kèm theo Phụ lục 01)

5. Tài chính, tài sản, cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc, đất đai

5.1 Khối Văn phòng Sở

Cơ sở vật chất có 01 tòa nhà 01 tầng với tổng diện tích sử dụng đất 1.347,2m²; trong đó, có 01 hội trường (70 chỗ), 01 phòng họp giao ban (20 chỗ), 04 phòng làm việc Ban Giám đốc Sở, 08 phòng làm việc của các phòng chuyên môn, 02 kho lưu trữ tài liệu. Xe ô tô bán tải 01 chiếc, xe mazda 7 chỗ 01 chiếc.

Thiết bị có 11 máy lạnh 11, 37 máy tính bàn, 01 máy tính xách tay, 02 tủ lạnh, 16 máy in, 04 máy Scan, 01 máy photo, 01 bộ máy chiếu, 01 hệ thống camera, 01 bàn ghế làm việc và bàn ghế tiếp khách, 04 bộ salon, 01 bàn hội trường nhỏ, 01 hệ thống mạng lan, 01 máy fax, 01 két sắt, ó kệ sắt, 137 ghế đay gỗ, 29 bàn họp hội trường lớn, 52 bàn làm việc, 18 ghế đay nệm gỗ, 05 ghế xoay. 30 tủ sắt, 08 tủ kệ, 01 bụi giảng, 01 bụi để ảnh Bác Hồ, ó bàn họp chữ nhật meca, 01 bàn kiếng chân sắt, 01 tủ hồ sơ 2 mặt kính, 01 tủ kiếng lùa, 01 tủ ly kính trong, 01 ti vi, 01 hệ thống năng lượng mặt trời, 01 phần mềm Misa.

Công tác tài chính đến ngày 30/4/2025: Kinh phí tự chủ 10.124.888.500 đồng (đã sử dụng 3.476.296.716 đồng, còn lại 6.648.591.784 đồng); kinh phí không tự chủ 5.356.000.000 (đã sử dụng 310.229.501 đồng, còn lại 65.045.770.499 đồng); nguồn

thu phí 123.224.617 đồng (nộp ngân sách 31.335.262 đồng; để lại đơn vị 91.889.355 đồng)

5.2 Chi cục Quản lý Thị trường

Cơ sở vật chất Chi cục Quản lý Thị trường: có 01 nhà 05 tầng với tổng diện tích sử dụng khoảng 1.584 m²; trong đó, có 01 hội trường (102 chỗ), 01 hội trường (15 chỗ), 03 phòng làm việc Ban lãnh đạo, 05 phòng làm việc của các phòng chuyên môn, 01 phòng công nghệ thông tin, 01 phòng ở công vụ, 01 phòng tiếp dân, 01 kho lưu trữ tài sản hàng hóa tịch thu, 01 có kho lưu trữ tài liệu. Đội Quản lý thị trường số 1 có 01 nhà 01 tầng với tổng diện tích sử dụng khoảng 322 m²; trong đó, có 01 hội trường (18 chỗ), 01 phòng làm việc của Đội trưởng, 01 phòng làm việc chung chuyên môn của Đội, 01 kho lưu trữ tài sản hàng hóa tịch thu, không có kho lưu trữ tài liệu, 08 phòng ở công vụ. Đội Quản lý thị trường số 2 có 01 nhà 01 tầng với tổng diện tích sử dụng khoảng 370 m²; trong đó, có 01 hội trường (20 chỗ), 01 phòng làm việc Ban lãnh đạo, 01 phòng làm việc của các phòng chuyên môn, 01 kho lưu trữ tài sản hàng hóa tịch thu và tài liệu, 03 phòng ở công vụ. Đội Quản lý thị trường số 3 có 01 nhà với tổng diện tích sử dụng khoảng 300 m²; trong đó, có 01 hội trường (12 chỗ), 02 phòng làm việc lãnh đạo, 01 phòng làm việc của các phòng chuyên môn, 01 kho lưu trữ tài sản hàng hóa tịch thu, không có kho lưu trữ tài liệu, 01 phòng ở công vụ. Đội Quản lý thị trường số 4 sử dụng chung trụ sở của Chi cục; trong đó, có 02 phòng làm việc Ban lãnh đạo, 01 phòng làm việc của các phòng chuyên môn, 01 phòng tiếp dân, 02 phòng ở công vụ, 01 kho lưu trữ tài sản hàng hóa tịch thu, không có kho lưu trữ tài liệu. Cơ sở vật chất trụ sở ở huyện Tam Bình (diện tích đất 194 m²) và huyện Trà Ôn (diện tích đất 287 m²) hiện dùng làm kho chứa tài sản, công cụ của Chi cục.

Thiết bị có 05 máy photo; 28 máy tính để bàn; 21 máy tính xách tay; 01 Máy tính bảng IPAD; 07 máy tính xách tay chuyên dùng; 01 máy tính bàn, 1 máy tính xách tay, 01 máy in (mật); 08 máy Scan; 53 máy lạnh; 12 máy in xách tay chuyên dùng; 14 máy in để bàn; 01 màn hình led; 01 hệ thống âm thanh hội trường lớn; 01 đường dây trung thế và trạm biến áp; 01 máy bơm điện; 01 máy bơm chữa cháy, 01 hệ thống máy chiếu hội trường lớn; 02 thang máy; 07 máy ảnh; 01 kết sắt; 01 máy test xăng dầu; 1 máy tính xách tay cùng 02 máy chiếu, 1 màn chiếu; 01 bộ thiết bị hội nghị trực tuyến gồm (01 màn hình Tivi, 1 bộ máy vi tính, camera, thiết bị loa và micro tích hợp); 02 tivi; 1 đầu máy phát đĩa; 01 Amply, 02 loa; 01 máy khoan tường; 09 máy nước uống nóng lạnh; 02 tủ lạnh; 01 bình thủy điện; 04 cục phát wifi; 04 bộ micro; 01 máy bơm nước; 01 bếp gas; 01 bộ phong màn, búa liềm, ngôi sao, băng khẩu hiệu; 02 xe đẩy hàng hóa; 1 cục sạc dự phòng; 05 màn hình, 05 ổ cứng ghi hình giám sát; 05 đầu ghi; 20 camera quan sát kho chứa tang vật vi phạm hành chính; 05 màn hình tivi, 05 đầu ghi, 05 ổ cứng, 02 camera trong nhà, 02 camera ngoài trời quan sát cơ quan; 04 bộ bàn họp hội trường, 12 ghế dài; 01 bộ bàn ghế đá; 20 bàn hội trường; 46 cái bàn làm việc gỗ; 14 bộ bàn ghế tiếp dân, làm việc; 34 bộ bàn họp 3 chỗ + ghế; 03 bộ bàn inox và 30 ghế nhựa cao; 230 cái ghế dài gỗ; 05 ghế xoay lưng; 04 bộ bàn ghế salon; 10 máy quạt; 04 bức thuyết trình và để tượng Bác; 01 tượng Bác; 44 tủ hồ sơ; 01 kệ đựng máy

tính; 21 rương đựng hồ sơ; 29 giường ngủ; 39 kệ sắt đựng hồ sơ, hàng hóa; 01 tủ kiếng nhôm; 37 bình chữa cháy, 01 trung tâm báo cháy, 01 kim thu sét; xe ô tô có 05 xe (01 xe ô tô 07 chỗ, 04 xe ô tô bán tải); xe gắn máy có 16 xe.

Công cụ hỗ trợ: 21 súng RG88; 08 súng RG90; 03 súng ME88; 01 súng rulo; 216 viên đạn; 01 đèn pha sọc và 01 ống nhòm.

- Công tác tài chính đến ngày 30/4/2025: kinh phí tự chủ đã sử dụng 1.831.240.671 đồng; kinh phí không tự chủ 0 đồng, nguồn thu từ xử phạt vi phạm hành chính 510.925.000 đồng, đã nộp phạt 510.925.000 đồng vào ngân sách và các loại kinh phí khác.

5.3 Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến Thương mại

Cơ sở vật chất có 01 nhà 4 tầng với tổng diện tích sử dụng 639,12 m²; 01 nhà 3 tầng với tổng diện tích sử dụng 253.53m²; 06 phòng làm việc Ban lãnh đạo; 07 phòng làm việc của các phòng chuyên môn (Trong đó: 02 phòng trống sử dụng 01 phòng để làm phòng họp); 02 kho lưu trữ tài liệu; 01 hội trường (30 chỗ).

Thiết bị có 28 máy tính, 09 máy lạnh, 11 máy in, 30 bàn làm việc, 07 tủ hồ sơ, 01 bàn họp, 01 máy chụp hình Canon, 02 bộ salon gỗ, 02 máy scan, 01 phần mềm kế toán, 01 màn chiếu, 03 quạt treo tường, 03 quạt đứng, 02 ấm điện, 01 máy khoan tay, 01 thang sắt, 04 ghế xoay, 01 bàn buro, 02 tủ hồ sơ sắt 4 học, 06 tủ hồ sơ 4 học sắt (19 x 0.9 x 0.4), 01 bục hội trường, 14 bàn hội trường, 45 ghế hội trường, 03 kệ nhôm, 01 bàn tròn inox, 10 ghế đôn inox, 01 màn hình máy vi tính, 01 điện thoại bàn, 01 kết sắt.

Công tác tài chính đến ngày 30/4/2025: Kinh phí tự chủ 2.752.194.881 đồng, kinh phí không tự chủ 7.821.554.000 đồng, nguồn thu tư vấn 127.026.646 đồng.

5.4 Ban Quản lý Chợ Vĩnh Long

Cơ sở vật chất có 01 tòa nhà (trụ sở làm việc được UBND thành phố Vĩnh Long giao cho Sở Công Thương quản lý cơ sở nhà, đất số 11, đường 2 tháng 9, phường 1, thành phố Vĩnh Long để bố trí tạm thời làm trụ sở làm việc cho Ban Quản lý Chợ Vĩnh Long đến hết năm 2025) với phần đất còn lại diện tích còn lại khoảng 1.108 m² bao gồm cả trụ sở và tài sản trên đất ngoài ranh giới, phạm vi xây dựng kè; trong đó có 01 phòng họp nhỏ, 04 phòng làm việc Ban lãnh đạo, 02 phòng làm việc của các phòng chuyên môn, 02 kho lưu trữ tài liệu, 01 hội trường (đã cũ xuống cấp và không sử dụng). Nhà lồng Chợ Khu C nằm trên đường 3/2; Nhà lồng chợ Bách hóa Tổng hợp nằm trên đường Nguyễn Văn Nhã; Chợ Khu vực 2 nằm trên đường Nguyễn Văn Nhã; Nhà lồng chợ Khu vực 1 nằm trên đường Chi Lăng; Nhà lồng chợ khu A nằm trên đường 1/5

Thiết bị có 20 máy tính (gồm 18 máy bàn và 2 laptop), 12 máy lạnh, 15 máy in, 02 máy scan....

Công tác tài chính đến ngày 30/4/2025: Kinh phí tự chủ thu diện tích bán hàng (theo QĐ số 06 của UBND): 2.961.632.856 đồng, kinh phí không tự chủ (thu phí lệ phí theo NQ số 09 và NQ số 10 của HĐND) 2.289.220.100 đồng.

(Chi tiết có biên bản kèm kê tài sản)

II. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CHUNG

Lãnh đạo của Sở Công Thương tỉnh Bến Tre, Trà Vinh, Vĩnh Long đã phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng đã tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết 18-NQ/TW ngày ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, xây dựng tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Sau khi thực hiện Nghị quyết tổ chức bộ máy của các Sở đã được tinh gọn, hoạt động hiệu lực hiệu quả hơn. Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, khắc phục tình trạng chồng chéo; cơ cấu tổ chức bên trong của cơ quan tiếp tục được sắp xếp kiện toàn phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, phạm vi, đối tượng quản lý và tính chất hoạt động; bảo đảm tính thống nhất, thông suốt và theo xu hướng tinh gọn đầu mới.

Việc sắp xếp lại cơ cấu tổ chức đã có những tác động tích cực đến việc xây dựng cơ quan, hầu hết công chức thuộc Sở Công Thương tỉnh Bến Tre, Trà Vinh, Vĩnh Long luôn có ý thức thực hiện, chấp hành nghiêm sự phân công của Lãnh đạo trong việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao; công chức, viên chức và người lao động đã thể hiện đầy đủ trách nhiệm trong việc tham gia xây dựng và thực hiện các nội quy, quy chế của cơ quan cũng như nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Phần thứ hai

PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP

I. SỰ CẦN THIẾT, CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ NGUYÊN TẮC THÀNH LẬP

A. Sự cần thiết

Trong bối cảnh phát triển mới của đất nước, việc tổ chức lại đơn vị hành chính cấp tỉnh trở thành một yêu cầu tất yếu nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, tinh gọn bộ máy và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội một cách bền vững. Chính vì vậy, ngày 12/4/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII đã ban hành Nghị quyết số 60-NQ/TW, về tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; tiếp theo đó Ban Chỉ đạo TW về tổng kết Nghị quyết 18 ban hành Kế hoạch số 47-KH/BCĐ, ngày 14 tháng 4 năm 2025 về thực hiện sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã và tổ chức hệ thống chính quyền địa phương 2 cấp và Thủ tướng Chính phủ cũng đã ban hành Quyết định số 758/QĐ-TTg, ngày 14 tháng 4 năm 2025 về ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp. Thực hiện chủ trương của Thủ tướng Chính phủ về sắp xếp đơn vị hành chính, ngày 28 tháng 4 năm 2025 Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã ban hành Đề án số 3138/ĐA-UBND về sắp xếp các tỉnh Bến Tre, Trà Vinh, Vĩnh Long.

Tỉnh Vĩnh Long, Bến Tre và Trà Vinh là 03 tỉnh nằm ở phía Đông của Vùng đồng bằng sông Cửu Long, là đầu mối giao thông kết nối vùng Đồng bằng Sông Cửu Long với Thành phố Hồ Chí Minh; Tỉnh Bến Tre, Trà Vinh và Vĩnh Long có điều kiện tự nhiên và kinh tế xã hội tương đồng. Trong những năm qua, cùng với sự ưu tiên quan tâm đầu tư của Trung ương, kinh tế - xã hội của vùng Đồng bằng sông Cửu Long nói chung và tỉnh Bến Tre, tỉnh Trà Vinh, tỉnh Vĩnh Long nói riêng có sự phát triển vượt

bạc và đạt được nhiều thành tựu quan trọng trên nhiều lĩnh vực. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng định hướng, theo hướng tăng nhanh tỷ trọng các ngành công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ, giảm dần tỷ trọng ngành nông - lâm - ngư nghiệp; mô hình tăng trưởng chuyển từ chiều rộng sang chiều sâu và không ngừng nâng cao chất lượng tăng trưởng; khai thác hiệu quả và tối đa các tiềm năng, lợi thế phát triển nông nghiệp hàng hóa, du lịch, công nghiệp chế biến nông sản,... và từng bước khẳng định được vị thế là trung tâm sản xuất, xuất khẩu lúa gạo, thủy sản và cây ăn quả của vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Thực hiện chủ trương sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh nhằm thực hiện các chủ trương của Trung ương; đảm bảo quy mô diện tích tự nhiên phù hợp với năng lực quản lý của chính quyền địa phương; đảm bảo điều kiện tập trung khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế sẵn có, các thế mạnh kinh tế, đảm bảo phát triển hài hòa và bền vững; góp phần tăng quy mô của đơn vị hành chính, tinh gọn bộ máy, tinh giảm biên chế, nâng cao hiệu quả đầu tư kinh tế - xã hội, hiệu quả, hiệu lực hoạt động của hệ thống chính trị

Đề tăng cường tính liên kết vùng của ba tỉnh Vĩnh Long, Bến Tre, Trà Vinh trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long; phát huy hiệu quả sử dụng nguồn lực; tiết kiệm chi phí vận hành bộ máy, chi phí nhân sự, cơ sở vật chất, văn phòng...; tối ưu nhân sự chuyên môn, có thể quy tụ đội ngũ chuyên môn chất lượng cao, phân công công việc hiệu quả hơn, tránh chồng chéo giữa các tỉnh. Đồng thời, phát huy lợi thế địa phương và liên kết vùng để phát triển kinh tế - xã hội, tạo lập thị trường chung quy mô lớn hơn, đồng bộ các chính sách về xúc tiến thương mại, phát triển công nghiệp, thu hút đầu tư giữa các địa phương trong khu vực, cũng như nâng cao năng lực cạnh tranh thì việc thành lập Sở Công Thương tỉnh Vĩnh Long trên cơ sở hợp nhất Sở Công Thương tỉnh Vĩnh Long, Bến Tre và Trà Vinh là một giải pháp rất cần thiết phù hợp với xu hướng đổi mới hành chính hiện nay.

B. Cơ sở pháp lý

Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Nghị quyết 60-NQ/TW ngày 12 tháng 4 năm 2025 của Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII;

Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;

Kết luận số 127-KL/TW ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Kết luận số 130-KL/TW ngày 14/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về chủ trương sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

Kết luận số 137-KL/TW ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp. 5. Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15;

Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025;

Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp xã và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền 02 cấp.

Kế hoạch số 47-KH/BCĐ, ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ban Chỉ đạo TW về tổng kết Nghị quyết 18 ban hành về thực hiện sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã và tổ chức hệ thống chính quyền địa phương 2 cấp;

Quyết định số 758/QĐ-TTg, ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

Nghị định số 158/2018/NĐ-CP, ngày 22 ngày 11 tháng 2018 của Chính phủ về quy định thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính;

Nghị định số 107/2020/NĐ-CP, ngày 14 ngày 09 tháng 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định về quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương;

Thông tư số 04/2022/TT- BCT ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về công thương thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thông tư số 15/2023/TT-BCT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Công Thương;

Đề án số 3138/ĐA-UBND, ngày ngày 28 tháng 4 năm 2025 về sắp xếp các tỉnh Bến Tre, Trà Vinh, Vĩnh Long;

Quyết định số 10/2025/QĐ-UBND ngày 26 tháng 2 năm 2025 của UBND tỉnh Vĩnh Long về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương tỉnh Vĩnh Long và Quyết định số 73 /2025/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2025 của UBND tỉnh Vĩnh Long về việc sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 3 của Quyết định số 10/2025/QĐ-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương tỉnh Vĩnh Long;

Quyết định số 33/2022/QĐ-UBND ngày 20 tháng 09 năm 2022 của UBND tỉnh Bến Tre về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương tỉnh Bến Tre; Quyết định số 25/2024/QĐ-UBND ngày 02 tháng 08 năm 2024 của UBND tỉnh Bến Tre về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương tỉnh Bến Tre; Quyết định số 13/2025/QĐ-UBND ngày 01 tháng 03 năm 2025 của UBND tỉnh Bến Tre về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre;

Quyết định số 25/2025/QĐ-UBND ngày 10 tháng 03 năm 2025 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh;

Công văn số 2853/UBND-TCĐNC, ngày 18 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc triển khai thực hiện Công văn số 4019-CV/TU ngày 18/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Vĩnh Long thực hiện sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã và tổ chức hệ thống chính quyền địa phương 02 cấp;

Công văn số 2861/UBND-TCĐNC, ngày 21 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc thực hiện nhiệm vụ liên quan đến việc sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã và tổ chức hệ thống chính quyền địa phương 02 cấp.

C. Nguyên tắc thành lập

Thực hiện sắp xếp cơ cấu tổ chức, bộ máy theo chủ trương của Nghị quyết số 18-NQ/TW, yêu cầu của Ban chỉ đạo Trung ương về tổng kết Nghị quyết 18-NQ/TW theo hướng dẫn, định hướng của Trung ương và các văn bản hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

Dự kiến phương án sắp xếp theo định hướng của Trung ương, đặc thù của địa phương cũng như tình hình thực tế đội ngũ công chức, người lao động của các cơ quan, đơn vị.

Tổ chức hợp lý đồng thời sắp xếp, cơ cấu lại tổ chức bên trong của Sở. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước của Sở. Phấn đấu giảm tối thiểu 20% đầu mỗi tổ chức bên trong, không bao gồm các tổ chức thuộc diện hợp nhất, sáp nhập do trùng lặp chức năng, nhiệm vụ khi thực hiện phương án hợp nhất các Sở.

Trên cơ sở chức năng nhiệm vụ được giao, đề án vị trí việc làm được phê duyệt, tình hình biên chế được giao và thực trạng công chức hiện có để sắp xếp công chức cho phù hợp, đảm bảo hiệu lực hiệu quả.

II. PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP

A. Mục tiêu, phạm vi, đối tượng quản lý

1. Mục tiêu

Thông qua thực hiện các Nghị quyết, Chương trình, Đề án để nâng cao trách nhiệm của cấp ủy Đảng, chính quyền đối với công tác đổi mới, sắp xếp tổ chức, bộ máy và thành lập Sở Công Thương tỉnh Vĩnh Long theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả trên cơ sở tổ chức hợp lý phát huy đầy đủ vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan hành chính dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, trong sạch, vững mạnh, công khai, minh bạch, phục vụ nhân dân, trên cơ sở phân cấp hợp lý.

Thực hiện sắp xếp, kiện toàn phải đảm bảo phù hợp với quy định, hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương, phân cấp quản lý và tình hình thực tế của đơn vị. Trong quá trình sắp xếp phải bảo đảm dân chủ, không ảnh hưởng đến hoạt động của các đơn vị; sau sắp xếp, kiện toàn hoạt động tốt hơn, hiệu quả cao hơn.

Rà soát và đề xuất phương án sắp xếp lại tổ chức, bộ máy, biên chế tại các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở Công Thương tỉnh Vĩnh Long theo hướng tinh gọn về bộ máy, giảm bớt đầu mối, thực sự hiệu quả, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, tăng dần tự chủ kinh phí, giảm chi ngân sách.

Tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy về khuyến công và xúc tiến thương mại trực thuộc Sở Tài chính tỉnh Trà Vinh về Sở Công Thương tỉnh Vĩnh Long.

Tiếp nhận nhiệm vụ và nhân sự Ban Quản lý chợ Long Hồ, Trà Ôn, Trà Côn theo chủ trương của Ban chỉ đạo việc thực hiện sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính, tổ chức bộ máy chính trị cấp tỉnh (theo Công văn số 68/CV-BCĐ).

Hoàn thiện việc xác định vị trí việc làm, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo ngạch, chức danh nghề nghiệp và trình độ đào tạo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ; đảm bảo sử dụng biên chế được giao đồng thời tinh giản biên chế theo lộ trình quy định.

Giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức sau khi sắp xếp, kiện toàn tổ chức, bộ máy theo đúng quy định và đảm bảo quyền lợi cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

2. Phạm vi

Phạm vi không gian: Sở Công Thương tỉnh Vĩnh Long.

Phạm vi thời gian: Đề án trình cấp thẩm quyền phê duyệt trước ngày 31/08/2025.

3. Đối tượng quản lý

Tất cả các tổ chức, đơn vị trực thuộc Sở Công Thương tỉnh Vĩnh Long (bao gồm các Phòng, Ban, Chi cục và các đơn vị sự nghiệp)

Tất cả cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của các đơn vị trực thuộc Sở Công Thương tỉnh Vĩnh Long.

Cơ sở vật chất của tất cả các đơn vị trực thuộc Sở Công Thương tỉnh Vĩnh Long.

B. Tên gọi, loại hình, trụ sở làm việc

1. Tên gọi: Sở Công Thương tỉnh Vĩnh Long.

- Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh (nếu có):

- Thuộc: Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

2. Loại hình: Cơ quan hành chính nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long

3. Trụ sở chính

- Trụ sở 1: Số 2A, đường Hùng Vương, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Trụ sở 2: Số 83, đường Hưng Đạo Vương, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Số điện thoại: 02703.830.330. Fax: 02703.826.347

- Website (nếu có): sct.vinhlong.gov.vn. Email: Scongthuong@vinhlong.gov.vn

Căn cứ điều kiện về trụ sở hiện có, điều kiện hạ tầng giao thông, phương tiện đi lại, hạ tầng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động của bộ máy chính quyền có thể bố trí duy trì làm việc tại nhiều trụ sở (trụ sở của Sở Công Thương tỉnh Bến Tre, Trà Vinh, Vĩnh Long) trong giai đoạn đầu sắp xếp đơn vị hành chính để bảo đảm công tác quản lý nhà nước tại các địa bàn sáp nhập và giảm bớt khó khăn việc đi lại, sinh hoạt của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; không để ảnh hưởng, gián đoạn việc cung cấp các dịch vụ công cho người dân (Theo Công điện số 80/CĐ-TTg ngày 01/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ Về việc đẩy mạnh công tác triển khai thực hiện phương án xử lý tài sản sau sắp xếp, tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính các cấp).

C. Vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức

1. Vị trí, chức năng

Sở Công Thương là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về công thương, bao gồm các ngành và lĩnh vực: Cơ khí; luyện kim; điện; năng lượng mới; năng lượng tái tạo; sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; dầu khí (nếu có); hóa chất; vật liệu nổ công nghiệp; công nghiệp khai thác mỏ và chế biến khoáng sản (*trừ vật liệu xây dựng thông thường và sản xuất xi măng*); công nghiệp tiêu dùng; công nghiệp thực phẩm; công nghiệp hỗ trợ; công nghiệp môi trường; công nghiệp chế biến khác; tiểu thủ công nghiệp; khuyến công; hoạt động thương mại và lưu thông hàng hóa trên địa bàn; sản xuất và tiêu dùng bền vững; xuất khẩu, nhập khẩu; dịch vụ logistics; xúc tiến thương mại; thương mại điện tử; dịch vụ thương mại; quản lý cạnh tranh; bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp; phòng vệ thương mại; hội nhập kinh tế quốc tế; quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn; quản lý thị trường.

Sở Công Thương có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chấp hành sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời chấp hành sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Công Thương.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn

2.2.1. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh liên quan đến ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở Công Thương và các văn bản khác theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Dự thảo kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực; chương trình, dự án, đề án; biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh trong phạm vi quản lý của Sở Công Thương;

c) Dự thảo quyết định việc phân cấp, ủy quyền nhiệm vụ quản lý nhà nước về công thương cho Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp xã;

d) Dự thảo quyết định quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương;

đ) Dự thảo quyết định thực hiện xã hội hóa các hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công ngành công thương thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh và theo phân cấp của cơ quan nhà nước cấp trên.

2.2.2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo quyết định, chỉ thị và các văn bản khác về công thương thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo phân công; dự thảo quyết định quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị thuộc Sở Công Thương.

2.2.3. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các văn bản khác trong lĩnh vực công thương được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn, phổ biến, giáo dục, theo dõi thi hành pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao.

2.2.4. Về công nghiệp và tiêu thủ công nghiệp

a) Về công nghiệp cơ khí, luyện kim và công nghiệp điện tử:

Tham mưu xây dựng, trình ban hành và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, chính sách phát triển ngành công nghiệp cơ khí, luyện kim, công nghiệp điện tử; phát triển các sản phẩm cơ khí, điện tử trên địa bàn tỉnh.

b) Về công nghiệp hỗ trợ:

Tham mưu xây dựng, trình ban hành và phối hợp với các cơ quan liên quan để tổ chức thực hiện kế hoạch, chương trình, đề án, cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh.

c) Về điện lực, năng lượng mới, năng lượng tái tạo, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả:

Tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch, chương trình phát triển điện lực, phát triển việc ứng dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, quản lý nhu cầu điện, điều chỉnh phụ tải trên địa bàn tỉnh;

Thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo quy định; tổ chức thực hiện công tác cấp, thu hồi giấy phép hoạt động điện lực trong trường hợp được Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền; thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc đảm bảo các điều kiện trong giấy phép hoạt động điện lực;

Thực hiện xác nhận chưa đủ điều kiện cung cấp điện đối với lưới điện phân phối có cấp điện áp từ 35kV trở xuống tại địa phương theo đề nghị của đơn vị phân phối điện hoặc đơn vị phân phối và bán lẻ điện;

Chủ trì và phối hợp với đơn vị điện lực liên quan trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh sách khách hàng sử dụng điện quan trọng thuộc diện ưu tiên cấp điện khi bên bán điện thực hiện ngừng, giảm mức cung cấp điện trong hệ thống điện; thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện ngừng, giảm mức cung cấp điện đối với đơn vị điện lực thuộc địa bàn quản lý;

Tổ chức hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác tập huấn, sát hạch và cấp thẻ Kiểm tra viên điện lực theo quy định của Bộ Công Thương;

Thực hiện công tác giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán điện có cấp điện áp dưới 110kV theo quy định;

Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát các đơn vị bán lẻ điện thuộc địa bàn quản lý trong việc thực hiện giá bán điện theo quy định; thanh tra, kiểm tra và giám sát việc thực hiện giá bán lẻ điện tại các địa điểm cho thuê nhà thuộc địa bàn quản lý theo quy định;

Thẩm tra, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đề án giá bán điện cho các đối tượng khách hàng sử dụng điện tại khu công nghiệp kết hợp mua điện từ hệ thống điện quốc gia đồng thời với các nguồn điện khác (nhà máy phát điện tại chỗ; mua điện từ các nguồn điện tại chỗ như điện gió, điện mặt trời, điện sinh khối);

Tổ chức lập kế hoạch kiểm tra, đôn đốc các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm trên địa bàn áp dụng mô hình quản lý năng lượng; Kiểm tra, giám sát việc áp dụng các tiêu chuẩn, định mức, quy chuẩn kỹ thuật về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành trong công nghiệp, kinh doanh, thương mại và dân dụng; Tổng hợp danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm trên địa bàn, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để gửi văn bản về Bộ Công Thương;

Hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy định về hoạt động điện lực, sử dụng điện, an toàn điện, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, các hoạt động trong lĩnh vực năng lượng thuộc địa bàn quản lý;

Thực hiện các nhiệm vụ theo thẩm quyền của cơ quan chuyên môn về xây dựng trong quản lý dự án đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng xây dựng công trình ngành Điện theo quy định của pháp luật.

d) Về công nghiệp khai thác mỏ và chế biến khoáng sản (trừ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường):

Chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan tổ chức thực hiện quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản sau khi được phê duyệt theo thẩm quyền;

Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật, công nghệ, an toàn vệ sinh lao động trong khai thác mỏ và chế biến khoáng sản trên địa bàn tỉnh;

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan để thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng và các bước thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của các dự án khai thác, chế biến khoáng sản trên địa bàn tỉnh (trừ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường) theo quy định của pháp luật về xây dựng;

Kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản; xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật đối với các hành vi vi phạm pháp luật về kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản của cá nhân, tổ chức khai thác khoáng sản;

Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trong công tác: Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh khoáng sản trên địa bàn; tổ chức thanh tra, kiểm tra tình hình thực hiện sản xuất, kinh doanh khoáng sản; các điểm khai thác, vận chuyển, chế biến, các bãi tập kết, mua bán khoáng sản nhằm phát hiện và xử lý kịp thời tình trạng sản xuất, kinh doanh khoáng sản trái phép.

đ) Về hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp:

Tổ chức thực hiện, chiến lược, kế hoạch, chính sách phát triển ngành hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn tỉnh;

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan của tỉnh tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn các quy định của pháp luật và thanh tra, kiểm tra và xử lý các vi phạm pháp luật về quản lý, sử dụng, bảo quản, kinh doanh và vận chuyển hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp theo quy định của pháp luật;

Thẩm định và cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh và thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp cho tổ chức, cá nhân;

Cấp, cấp lại hoặc thu hồi Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp theo quy định;

Huấn luyện, kiểm tra huấn luyện, kiểm tra, cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp theo quy định;

Thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan đến hoạt động hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp được phân công, phân cấp tại Luật hóa chất, Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ và các văn bản pháp luật có liên quan.

e) Về công tác quản lý an toàn đối với ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương:

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan của tỉnh tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn các quy định của pháp luật và thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về an toàn đối với các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của ngành công thương;

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan của tỉnh tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn các quy định của pháp luật và kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về an toàn, an toàn trong quản lý, sử dụng, bảo quản, kinh doanh và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm, xăng dầu, khí và các loại máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về kỹ thuật an toàn; huấn luyện an toàn hóa chất; huấn luyện về kỹ thuật an toàn đối với hoạt động kinh doanh khí; công tác tập huấn đối với người điều khiển phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, người áp tải, người xếp, dỡ, thủ kho trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý;

Xây dựng kế hoạch huấn luyện, kiểm tra, xếp bậc, cấp thẻ an toàn điện đối với người vận hành, sửa chữa điện ở nông thôn thuộc tổ chức hoạt động theo Luật Điện lực và các luật khác có liên quan, phạm vi hoạt động tại khu vực nông thôn;

Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quy định của pháp luật trong lĩnh vực kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, kiểm định an toàn kỹ thuật các thiết bị, dụng cụ điện theo quy định;

Chủ trì thẩm định, chấp thuận tài liệu an toàn theo quy định của pháp luật;

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán khí; Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp khí vào chai, vào xe bồn, Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp khí vào phương tiện vận tải;

Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các cơ sở, công trình ngành công thương trên địa bàn quản lý thực hiện công tác phòng chống thiên tai và ứng cứu khẩn cấp theo quy định.

g) Về bảo vệ môi trường và phát triển công nghiệp môi trường:

Xây dựng và trình ban hành các chủ trương, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, phát triển công nghiệp môi trường và ưu đãi, hỗ trợ phát triển ngành công nghiệp môi trường phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện của địa phương;

Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn các quy định của pháp luật và thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, phát triển công nghiệp môi trường thuộc phạm vi quản lý của ngành công thương tại địa phương theo quy định;

Chủ trì thực hiện Đề án phát triển công nghiệp môi trường, các nhiệm vụ phát triển công nghiệp môi trường và kinh tế tuần hoàn, các chương trình, dự án về ứng phó với biến đổi khí hậu ngành công thương trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý;

Thực hiện thu thập, tổng hợp thông tin về các chỉ tiêu thống kê môi trường thuộc phạm vi ngành công thương;

Định kỳ hàng năm tổng kết, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Công Thương, các Bộ, ngành liên quan tình hình thực hiện phát triển công nghiệp môi trường của địa phương theo quy định.

h) Về an toàn thực phẩm, công nghiệp tiêu dùng, công nghiệp thực phẩm và công nghiệp chế biến khác:

Triển khai thực hiện chính sách, chiến lược, kế hoạch phát triển ngành sau khi được phê duyệt, gồm: công nghiệp tiêu dùng (dệt - may, da - giày, giấy, sành sứ, thủy tinh, nhựa); công nghiệp thực phẩm (rượu, bia, nước giải khát, sữa chế biến, dầu thực vật, sản phẩm chế biến bột và tinh bột và các thực phẩm khác theo quy định của Chính phủ);

Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với sản phẩm công nghiệp, an toàn vệ sinh, môi trường công nghiệp; triển khai thực hiện công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm từ khâu sản xuất, chế biến, bảo quản, vận chuyển, kinh doanh đối với các loại rượu, bia, nước giải khát, sản phẩm sữa chế biến, dầu thực vật, sản phẩm chế biến từ bột, tinh bột, bánh, mứt, kẹo, bao bì chứa thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của ngành công thương và các sản phẩm khác, an toàn thực phẩm đối với các chợ, siêu thị, trung tâm thương mại và các cơ sở thuộc hệ thống dự trữ, phân phối hàng hóa thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Sở;

Hướng dẫn, tuyên truyền pháp luật, chủ trì, phối hợp kiểm tra việc thực hiện các quy định về phòng, chống thực phẩm giả, gian lận thương mại trên thị trường đối với tất cả các loại thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý của ngành công thương trên địa bàn.

i) Về khuyến công:

Chủ trì, tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động khuyến công tại địa phương;

Xây dựng, trình ban hành các chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về công tác khuyến công phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện tại địa phương; tham mưu cấp có thẩm quyền bảo đảm nguồn vốn từ ngân sách địa phương để tổ chức thực hiện hoạt động khuyến công trên địa bàn;

Xây dựng, trình phê duyệt chương trình khuyến công địa phương. Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân triển khai kế hoạch, đề án, nhiệm vụ khuyến công hàng năm trên địa bàn;

Theo dõi, đánh giá, tổng hợp báo cáo và cung cấp thông tin, tài liệu liên quan về công tác khuyến công tại địa phương theo quy định.

k) Về cụm công nghiệp:

Thực hiện chức năng cơ quan đầu mối quản lý nhà nước đối với cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật;

Xây dựng, trình và tổ chức thực hiện phương án phát triển cụm công nghiệp, chương trình hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, dự toán kinh phí hoạt động phát triển cụm công nghiệp sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế quản lý cụm công nghiệp, giải quyết các thủ tục triển khai dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật và dự án sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông;

Chủ trì thẩm định hồ sơ đề nghị thành lập, mở rộng cụm công nghiệp;

Chủ trì hoặc tham gia ý kiến các hồ sơ, thủ tục liên quan đến triển khai dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp và dự án sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp theo quy định của pháp luật;

Chủ trì kiểm tra, đánh giá thực hiện phương án phát triển, chính sách, pháp luật, hiệu quả hoạt động của cụm công nghiệp; xử lý hoặc đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý vi phạm, vấn đề phát sinh về cụm công nghiệp; xây dựng, vận hành Cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp trên địa bàn.

l) Về tiểu thủ công nghiệp:

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng, trình và tổ chức hướng dẫn, thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, kinh tế tập thể, hợp tác xã ngành công thương, làng nghề tiểu thủ công nghiệp sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

m) Về sản xuất và tiêu dùng bền vững:

Tổ chức thực hiện Chương trình, đề án, kế hoạch, cơ chế, chính sách nhằm thúc đẩy và phát triển lĩnh vực sản xuất và tiêu dùng bền vững trên địa bàn tỉnh.

n) Tổ chức thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của dự án đầu tư xây dựng công trình công nghiệp theo quy định của pháp luật, sự phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

o) Về quản lý chất lượng sản phẩm hàng hóa

Chủ trì, tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục công bố hợp quy theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng sản phẩm hàng hóa;

Kiểm tra việc tuân thủ các quy định về quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa của các doanh nghiệp trên địa bàn quản lý.

p) Quản lý nhà nước và kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình chuyên ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh thực hiện theo quy định pháp luật về xây dựng.

2.2.5. Về thương mại

a) Thị trường trong nước:

Tham mưu xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch, kế hoạch, cơ chế, chính sách quản lý và phát triển theo chức năng, thẩm quyền: các loại hình kết cấu hạ tầng thương mại như chợ, trung tâm thương mại, trung tâm mua sắm, siêu thị, cửa hàng bán lẻ, sở giao dịch hàng hóa, trung tâm hội chợ, triển lãm, trung tâm đấu giá hàng hóa, trung tâm logistics và các loại hình kết cấu hạ tầng thương mại khác; các loại hình tổ chức, hình thức và phương thức kinh doanh thương mại, như hợp tác xã thương mại, bán buôn, bán lẻ, đại lý thương mại, nhượng quyền thương mại, dịch vụ thương mại trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật;

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn và tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách khuyến khích mở rộng mạng lưới kinh doanh, phát triển các tổ chức liên kết lưu thông hàng hóa, hình thành các kênh lưu thông hàng hóa ổn định từ sản xuất đến tiêu dùng trên địa bàn tỉnh;

Tổ chức thực hiện, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quy định về hàng hóa, dịch vụ thuộc ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện: thuốc lá, rượu, xăng dầu, khí và các hàng hóa dịch vụ khác trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý của Bộ Công Thương;

Triển khai thực hiện cơ chế, chính sách ưu đãi, khuyến khích, hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh và đời sống Nhân dân vùng dân tộc và vùng khó khăn trên địa bàn tỉnh (như cung cấp các mặt hàng thiết yếu, hỗ trợ lưu thông hàng hóa và dịch vụ thương mại...);

Tổ chức hoạt động điều tiết lưu thông hàng hóa, bảo đảm cân đối cung cầu các mặt hàng thiết yếu, bảo đảm chất lượng và an toàn thực phẩm, bình ổn và thúc đẩy thị trường nội tỉnh phát triển;

Tổng hợp và xử lý các thông tin thị trường trên địa bàn tỉnh về tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng, tổng cung, tổng cầu, mức dự trữ lưu thông và biến động giá cả của các mặt hàng thiết yếu, các mặt hàng chính sách đối với nhân dân vùng dân tộc. Đề xuất với cấp có thẩm quyền giải pháp điều tiết lưu thông hàng hóa trong từng thời kỳ.

b) Về xuất khẩu, nhập khẩu:

Tham mưu xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách, chiến lược, kế hoạch, chương trình, đề án liên quan trong lĩnh vực xuất nhập khẩu hàng hóa; quản lý, theo dõi hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa; phát triển dịch vụ xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa trên địa bàn tỉnh;

Quản lý hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa của các doanh nghiệp trong nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và thương nhân không có hiện diện tại Việt Nam.

c) Về thương mại điện tử và kinh tế số:

Tham mưu xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách, đề án, chương trình, kế hoạch thương mại điện tử nhằm phát triển hạ tầng ứng dụng thương mại điện tử, phát triển nguồn nhân lực phục vụ quản lý thương mại điện tử và kinh tế số, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân ứng dụng thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh;

Thực hiện các nội dung quản lý nhà nước khác về thương mại điện tử theo quy định của pháp luật và phân cấp của Bộ Công Thương.

d) Về xúc tiến thương mại:

Tổ chức thực hiện các thủ tục hành chính về xúc tiến thương mại thuộc thẩm quyền;

Kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về xúc tiến thương mại của thương nhân, tổ chức hoạt động có liên quan đến thương mại và xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật đối với các hành vi vi phạm pháp luật của thương nhân, tổ chức hoạt động có liên quan đến thương mại;

Kiểm tra, tổng hợp quyết toán với cơ quan quản lý tài chính đồng cấp về số tiền theo quyết định thu và số tiền thực thu vào ngân sách nhà nước 50% giá trị đã công bố của giải thưởng không có người trúng thưởng của chương trình khuyến mại;

Tham mưu, đề xuất với chính quyền địa phương về các chương trình, kế hoạch, đề án xúc tiến thương mại trên địa bàn và thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án theo phân công;

Phối hợp với Bộ Công Thương trong việc quản lý hoạt động của các Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam.

đ) Về quản lý cạnh tranh:

Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về cạnh tranh trên địa bàn tỉnh;

Phát hiện và kiến nghị các cơ quan có liên quan giải quyết theo thẩm quyền về những hành vi vi phạm pháp luật cạnh tranh và văn bản ban hành có nội dung không phù hợp với pháp luật cạnh tranh.

e) Về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp:

Chủ trì, tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền;

Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành quy chế phối hợp giữa các cơ quan liên quan tại địa phương trong công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp trên địa bàn;

Phát hiện và xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý vi phạm pháp luật về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp;

Cấp, thu hồi xác nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương, xác nhận tiếp nhận thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương;

Kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp;

Tổ chức đào tạo, tập huấn chuyên môn cho cán bộ, công chức trực tiếp thực hiện công tác quản lý nhà nước về bán hàng đa cấp;

Thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp cho các doanh nghiệp, người tham gia bán hàng đa cấp;

Tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thông báo hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp;

Báo cáo theo định kỳ hàng năm hoặc đột xuất với Bộ Công Thương về công tác quản lý hoạt động bán hàng đa cấp trên địa bàn.

g) Về phòng vệ thương mại:

Hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật phòng vệ thương mại bao gồm: chống bán phá giá, chống trợ cấp, tự vệ, chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại trên địa bàn tỉnh;

Phát hiện và kiến nghị các cơ quan có liên quan giải quyết theo thẩm quyền về những văn bản ban hành có nội dung không phù hợp với pháp luật về phòng vệ thương mại;

Đầu mối chủ trì hỗ trợ hiệp hội ngành hàng, các doanh nghiệp xuất khẩu trên địa bàn ứng phó với các vụ việc điều tra, rà soát chống bán phá giá, chống trợ cấp, tự vệ, chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại của nước ngoài;

Tổng hợp số liệu, tình hình hoạt động, thông tin xuất nhập khẩu hàng hóa trên địa bàn tỉnh liên quan đến vụ việc về phòng vệ thương mại, phối hợp với cơ quan điều tra về phòng vệ thương mại trong công tác cảnh báo sớm các vụ kiện phòng vệ thương mại;

Phối hợp với cơ quan điều tra về phòng vệ thương mại rà soát, cung cấp thông tin, xử lý các vấn đề liên quan đến việc điều tra, thẩm tra, thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về phòng vệ thương mại đối với các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh;

Đầu mối thu thập và cung cấp thông tin cho cơ quan điều tra về phòng vệ thương mại về chính sách và thực tiễn hoạt động của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh trong các vụ việc điều tra chống trợ cấp của nước ngoài.

h) Về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng:

Trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng tại địa phương;

Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; tư vấn, hỗ trợ và nâng cao nhận thức về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng tại địa phương;

Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng theo thẩm quyền;

Thực hiện việc kiểm soát hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung tại địa phương theo quy định của pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng;

Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ người tiêu dùng cấp huyện thực hiện các nội dung liên quan đến bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng;

Công bố công khai danh sách tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ vi phạm quyền lợi người tiêu dùng theo thẩm quyền;

Quản lý hoạt động về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng của tổ chức xã hội tại địa phương; tạo điều kiện để tổ chức xã hội tham gia bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng hoạt động; thẩm định các đề án, kế hoạch hoạt động của tổ chức xã hội tham gia bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao thực

hiện nhiệm vụ gắn với nhiệm vụ của Nhà nước; giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ khi giao cho tổ chức xã hội bảo vệ người tiêu dùng thực hiện;

Quản lý, kiểm tra, giám sát hoạt động hòa giải của tổ chức hòa giải tranh chấp giữa người tiêu dùng và tổ chức, cá nhân kinh doanh tại địa phương theo quy định của pháp luật;

Báo cáo kết quả thực hiện quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh theo định kỳ hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền cấp trên.

i) Về quản lý thị trường:

Quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật về phòng, chống, xử lý các hành vi kinh doanh hàng hóa nhập lậu; sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm, hàng hóa không rõ nguồn gốc xuất xứ; hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ; hành vi vi phạm pháp luật về chất lượng, đo lường, giá, an toàn thực phẩm; hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và các hành vi gian lận thương mại theo quy định pháp luật trên địa bàn.

k) Về hội nhập kinh tế quốc tế:

Triển khai thực hiện kế hoạch, chương trình, biện pháp cụ thể về hội nhập kinh tế quốc tế trên địa bàn tỉnh sau khi được phê duyệt;

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn việc thực hiện kế hoạch, chương trình, các quy định về hội nhập kinh tế quốc tế của địa phương;

Tích cực phối hợp với Bộ Công Thương và các đơn vị liên quan thực hiện các nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch thực thi các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới;

Thực hiện các nội dung quản lý nhà nước khác về hội nhập kinh tế quốc tế theo quy định của pháp luật và phân cấp của Bộ Công Thương.

l) Về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của thương nhân nước ngoài trên địa bàn tỉnh:

Quản lý hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của thương nhân nước ngoài;

Quản lý hoạt động của văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài.

m) Về dịch vụ logistics

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và đơn vị liên quan tham mưu xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách, pháp luật, phương án phát triển dịch vụ logistics và chương trình, đề án phát triển dịch vụ logistics trên địa bàn tỉnh;

Điều phối, hỗ trợ các sở, ban, ngành, các Hiệp hội địa phương phát triển dịch vụ logistics và nâng cao năng lực doanh nghiệp logistics trên địa bàn tỉnh;

Tuyên truyền, phổ biến, phát triển thị trường, kết nối doanh nghiệp dịch vụ logistics với doanh nghiệp sản xuất, xuất nhập khẩu trên địa bàn tỉnh.

2.2.6. Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về giám định, đăng ký, cấp giấy phép, văn bằng, chứng chỉ thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý của Sở Công Thương

theo quy định của pháp luật và theo phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2.2.7. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý, khuyến khích, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân hoạt động trên địa bàn trong lĩnh vực công thương; quản lý các hội, tổ chức phi chính phủ hoạt động trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở Công Thương theo quy định của pháp luật.

2.2.8. Hướng dẫn thực hiện cơ chế tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực quản lý theo quy định của pháp luật; quản lý hoạt động của các đơn vị sự nghiệp trong và ngoài công lập thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực công thương.

2.2.9. Thực hiện hợp tác quốc tế về công thương theo quy định của pháp luật và theo phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

2.2.10. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thuộc ngành, lĩnh vực quản lý đối với Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

2.2.11. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật và công nghệ; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước về công thương.

2.2.12. Kiểm tra và xử lý các hành vi vi phạm đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thi hành pháp luật thuộc phạm vi quản lý của Sở Công Thương; tiếp công dân, xử lý thư đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng, lãng phí theo quy định pháp luật hoặc theo sự phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2.2.13. Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác của các phòng chuyên môn, nghiệp vụ và Văn phòng thuộc Sở Công Thương; quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức; vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập; thực hiện chế độ tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý của Sở Công Thương theo quy định của pháp luật và theo sự phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh; tham mưu cho Hội đồng tỉnh xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân Nhân dân”, “Nghệ nhân Ưu tú” trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ và Ủy ban nhân dân tỉnh xét tặng danh hiệu Thợ giỏi và Nghệ nhân cấp tỉnh.

2.2.14. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật và theo phân công, phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2.2.15. Thực hiện công tác thông tin, thống kê, tổng hợp, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ trong các lĩnh vực công tác được giao với Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Công Thương.

2.2.16. Thực hiện nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan nhà nước cấp trên.

3. Cơ cấu tổ chức

- a) Lãnh đạo Sở: Giám đốc và 09 Phó Giám đốc
- b) Các Tổ chức chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở
 - Văn phòng Sở;

- Phòng Quản lý Công nghiệp;
 - Phòng Quản lý Thương mại;
 - Phòng Quản lý Năng lượng.
- c) Các Chi cục thuộc Sở: Chi cục Quản lý thị trường.
- d) Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở
- Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại;
 - Ban Quản lý Chợ Vĩnh Long.

D. Dự kiến vị trí việc làm, biên chế công chức, số lượng người làm việc theo vị trí việc làm, cơ cấu công chức theo ngạch, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp

T T	Phòng, đơn vị thuộc Sở	Tổng biên chế giao 2025	Tổng số công chức, viên chức thực hiện				Số CC, VC theo cơ cấu ngạch/Chức danh nghề nghiệp				
			Tổng CC/ VC	Trưởng phòng	Phó trưởng phòng	Công chức/ viên chức	CVCC hoặc tương đương	CVC hoặc tương đương	CV hoặc tương đương	Cán sự hoặc tương đương	Nhân viên hoặc tương đương
I. Lãnh đạo Sở		10	10				04	06			
1	Giám đốc	01	01				01				
2	Phó Giám đốc	09	09				03	06			
II. Các tổ chức tham mưu, chuyên môn, nghề nghiệp vụ		101	101	05	26	70		34	67		
1	Văn phòng	35	35	1	8	26		13	22		
2	Phòng Quản lý Thương mại	24	24	1	7	16		8	16		
3	Phòng Quản lý Công nghiệp	24	24	1	7	16		8	16		
4	Phòng Quản lý Năng lượng	18	18	1	5	12		5	13		
III. Chi cục thuộc Sở		128	128	13	32	83	01	19	102	06	

1	Ban lãnh đạo	09	08	01	08		01	08			
2	Phòng Tổ chức – Hành chính	9	9	01	02	06		02	07		
3	Phòng Nghiệp vụ - Tổng hợp	10	10	01	02	07		02	08		
4	Đội Quản lý thị trường số 1	10	10	01	02	07		02	08		
5	Đội Quản lý thị trường số 2	10	10	01	02	07		01	08	01	
6	Đội Quản lý thị trường số 3	10	10	01	02	07		01	08	01	
7	Đội Quản lý thị trường số 4	10	10	01	02	07		01	08	01	
8	Đội Quản lý thị trường số 5	10	10	01	02	07		01	08	01	
9	Đội Quản lý thị trường số 6	09	09	01	02	06			08	01	
10	Đội Quản lý thị trường số 7	09	09	01	02	06			09		
11	Đội Quản lý thị trường số 8	09	09	01	02	06			09		
12	Đội Quản lý thị trường số 9	09	09	01	02	06			09		
13	Đội Quản lý thị trường cơ động	14	14	01	02	11		01	12	01	

IV. Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở										
1	Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại	70	70	05	15	50		10	57	03
1.1	Ban Lãnh đạo	10	10	01	09			07	03	
1.2	Phòng hành chính – tổng hợp	10	10	01	01	08		01	06	03
1.3	Phòng Khuyến công	20	20	01	02	17		01	19	
1.4	Phòng Xúc tiến thương mại	20	20	01	02	17		01	19	
1.5	Phòng Tư vấn phát triển Công nghiệp	10	10	01	01	08			10	
2	Ban Quản lý Chợ Vĩnh Long	50	50	04	10	36		01	29	02
2.1	Ban lãnh đạo	05	05	01	04				05	
2.2	Phòng Hành chính - Tổ chức	10	10	01	02	07		01	08	01
2.3	Phòng Nghiệp vụ Kỹ thuật	10	10	01	02	07			06	01
2.4	Phòng Bảo vệ Trật tự	25	25	01	02	22			10	15

D. Về tài chính, tài sản, cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc, đất đai

Sở Công Thương tỉnh Bến Tre, Trà Vinh, Vĩnh Long thực hiện nhiệm vụ rà soát, thống kê số liệu về tổ chức, biên chế; tài sản cố định, công cụ, dụng cụ và tài chính; quản lý hồ sơ, tài liệu và văn thư của các đơn vị khi sắp xếp tổ chức bộ máy theo đúng các quy định hiện hành để làm cơ sở cho công tác bàn giao trước khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của đơn vị.

Phần thứ ba

PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ TỔ CHỨC BỘ MÁY, NHÂN SỰ, TÀI CHÍNH, TÀI SẢN, ĐẤT ĐAI VÀ CÁC VẤN ĐỀ KHÁC CÓ LIÊN QUAN

I. PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY

Phương án xử lý tổ chức bộ máy đảm bảo tinh gọn, đồng bộ, xuyên suốt trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ, mỗi phòng, đơn vị thực hiện nhiều việc và một việc chỉ giao cho một phòng chủ trì.

Phương án xử lý bộ máy thực hiện hợp nhất Văn phòng Sở, phòng Quản lý Công nghiệp, phòng Quản lý Thương mại, phòng Quản lý Năng lượng, Chi cục Quản lý Thị trường của Sở công thương tỉnh Bến Tre, Trà Vinh, Vĩnh Long

Hợp nhất Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại Vĩnh Long và Bến Tre, đồng thời tiếp nhận nhiệm vụ và biên chế thực hiện công tác Khuyến công và Xúc tiến thương mại của tỉnh Trà Vinh từ Sở Tài chính tỉnh Trà Vinh.

II. PHƯƠNG ÁN VỀ XỬ LÝ NHÂN SỰ

Thực hiện chuyển 100% công chức, viên chức, người lao động của các cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở Công Thương 03 tỉnh hiện có để bố trí vào các phòng, ban, đơn vị tương ứng sau sắp xếp. Thực hiện việc rà soát, sắp xếp, gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Đảm bảo giảm số lượng cán bộ, công chức, viên chức theo số lượng quy định của cấp có thẩm quyền trong thời gian 05 năm theo chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao cho Sở Công Thương tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao, cơ cấu tổ chức bộ máy của Sở Công Thương tỉnh Vĩnh Long, số lượng biên chế dự kiến của Sở Công Thương Vĩnh Long sau sắp xếp, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nội vụ tỉnh Vĩnh Long đề xuất phương án bố trí cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của Sở Công Thương Vĩnh Long (bao gồm cả đơn vị trực thuộc; điều chuyển biên chế thực hiện công tác Khuyến công và Xúc tiến thương mại từ Sở Tài chính tỉnh Trà Vinh về Sở Công Thương tỉnh Vĩnh Long) làm việc tại các trụ sở hiện hữu (trụ sở chính tại Trung tâm hành chính-chính trị của tỉnh Vĩnh Long mới và trụ sở phụ tại các tỉnh cùng sắp xếp) để đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ được giao theo quy định.

Sau sắp xếp, Sở Công Thương Vĩnh Long xây dựng đề án vị trí việc làm, trình cấp có thẩm quyền tổng hợp, phê duyệt. Trên cơ sở đó, báo cáo cấp có thẩm quyền giao số lượng biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Công Thương Vĩnh Long. Trong thời gian chờ phê duyệt đề án vị trí việc làm mới, Sở Công Thương Vĩnh Long sử dụng đề án vị trí việc làm đã được phê duyệt tương ứng trước đây và các văn bản quy định, hướng dẫn có liên quan để bố trí và quản lý tạm thời đối với cán bộ, công chức, viên chức trên nguyên tắc không bỏ sót các chức năng, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Căn cứ kết quả giải quyết chế độ chính sách nghỉ hưu, nghỉ việc theo Nghị định số 178/2014/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP của Chính phủ, trên cơ sở số

lượng lãnh đạo cấp phòng, đơn vị thuộc Sở Công Thương còn lại để lựa chọn, bố trí nhân sự trưởng, phó phòng, đơn vị trực thuộc.

1. Đối với nhân sự cấp trưởng các phòng, đơn vị thuộc Sở Công Thương

Lựa chọn nhân sự cấp trưởng theo nguyên tắc ưu tiên như sau:

- Nhân sự có kinh nghiệm quản lý tại vị trí công tác tương ứng tối thiểu 02 năm.
- Có trình độ chuyên môn, chính trị, năng lực và quy hoạch cấp cao hơn.
- Nhân sự không nằm trong diện đang xem xét kỷ luật, đang trong thời gian kỷ luật.

- Đối với nhân sự cấp trưởng dôi dư, bố trí tại các phòng, đơn vị chưa có cấp trưởng khác phù hợp năng lực, trình độ, kinh nghiệm quản lý.

- Trường hợp không bố trí được, bố trí ở vị trí cấp phó tại đơn vị sau khi sắp xếp, sáp nhập nhưng cho hưởng hệ số phụ cấp chức vụ cấp trưởng và tương đương với thời hạn không quá 5 năm (hoặc hết thời gian bổ nhiệm lại chức vụ hiện hưởng) kể từ ngày sắp xếp lại vị trí công tác.

2. Đối với nhân sự cấp phó các phòng, đơn vị thuộc Sở Công Thương

- Bố trí cấp phó của người đứng đầu tại các cơ quan, đơn vị sau sắp xếp, sáp nhập (số lượng theo đúng quy định Chính phủ, cấp có thẩm quyền thẩm quyền).

- Bố trí vị trí khác có chức vụ thấp hơn chức danh hiện giữ nhưng vẫn bảo lưu phụ cấp theo các quy định hiện hành.

- Không bổ nhiệm mới cấp phó các phòng, đơn vị thuộc diện sắp xếp, sáp nhập, tổ chức lại do sắp xếp, sáp nhập cho đến khi số lượng cấp phó của các cơ quan, đơn vị này đảm bảo theo đúng quy định của cấp có thẩm quyền.

- Tiếp tục cho phép bổ nhiệm mới cấp phó của người đứng đầu tại các đơn vị chưa đủ số lượng cấp phó so với quy định của cấp có thẩm quyền sau khi sắp xếp, sáp nhập.

III. PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ VỀ TÀI CHÍNH

Sở Công Thương tỉnh Bến Tre, Trà Vinh, Vĩnh Long tiến hành tổ chức thực hiện đánh giá công tác tài chính, xây dựng báo cáo các nguồn kinh phí đã sử dụng (đến ngày 31/08/2025) và thực hiện đối chiếu với Kho bạc nhà nước, thực hiện quyết toán kinh phí đã sử dụng theo đúng các quy định hiện hành.

Sở Công Thương tỉnh Vĩnh Long tổ chức tổng hợp dự toán kinh phí và trình cấp có thẩm quyền xem xét phân bổ nguồn kinh phí theo đúng quy định.

IV. PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ VỀ TÀI SẢN

Cán bộ, công chức, viên chức tiếp tục sử dụng trang, thiết bị làm việc hiện có. Trường hợp trang, thiết bị cũ, hỏng hóc giao thủ trưởng các cơ quan, đơn vị tự rà soát theo tiêu chuẩn để bố trí trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả, đảm bảo trang thiết bị làm việc cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

Thủ trưởng đơn vị quán triệt đến cán bộ, công chức, viên chức và người lao động kế hoạch hoạt động của cơ quan nơi làm việc mới, có kế hoạch khảo sát, vận chuyển hồ sơ, trang thiết bị, máy móc văn phòng còn sử dụng được tại trụ sở cũ đến lắp đặt tại trụ sở mới để phục vụ công tác chuyên môn với thời gian nhanh nhất; đảm bảo công

việc được xử lý liên tục, thông suốt, không làm ảnh hưởng, gián đoạn đến việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của cơ quan. Việc thực hiện phải đảm bảo an toàn, nhanh chóng, tiết kiệm, khoa học, huy động tối đa nhân lực cơ quan để thực hiện.

Thủ trưởng đơn vị chỉ đạo bộ phận chuyên môn lập danh mục, phân loại hồ sơ tài liệu, tài sản trang thiết bị để đảm bảo quản lý vận chuyển an toàn, không làm thất thoát, hư hỏng. Thực hiện quản lý theo dõi sổ sách kế toán để đối chiếu, cập nhật vào cơ quan mới.

Thống kê những tài sản, thiết bị còn thiếu để đề nghị trang bị theo tiêu chuẩn, định mức.

Tận dụng nguồn nhân lực của đơn vị hoặc thuê phương tiện vận chuyển chuyên nghiệp để thực hiện tháo dỡ, lắp đặt.

V. PHƯƠNG ÁN VỀ XỬ LÝ ĐẤT ĐAI

Sở Công Thương tỉnh Vĩnh Long, Bến Tre, Trà Vinh tiến hành tổ chức thực hiện rà soát, thống kê đất đai theo đúng các quy định hiện hành để làm cơ sở cho công tác bàn giao trước khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của đơn vị.

Trên cơ sở số lượng cán bộ, công chức, người lao động hiện có; hiện trạng trụ sở làm việc đã được cấp có thẩm quyền bàn giao để bố trí sử dụng các trụ sở làm việc cho Sở Công Thương tỉnh Vĩnh Long. Đồng thời, thực hiện bố trí trụ sở 3, 4 của Sở Công Thương tỉnh Vĩnh Long tại tỉnh Bến Tre và tỉnh Trà Vinh theo yêu cầu nhiệm vụ, đảm bảo phù hợp với cơ cấu tổ chức và biên chế của đơn vị.

Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Công Thương tỉnh Vĩnh Long sau hợp nhất sẽ bố trí trụ sở chính tại tỉnh Vĩnh Long, các trụ sở phụ tại các tỉnh Bến Tre và tỉnh Trà Vinh (theo trụ sở của từng đơn vị sự nghiệp). Sở Công Thương tỉnh Vĩnh Long từng bước rà soát, sắp xếp, bố trí phù hợp để đảm bảo tính thống nhất, thuận tiện trong công tác.

VI. PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ CÁC VẤN ĐỀ KHÁC CÓ LIÊN QUAN

1. Phương án bố trí nhà ở công vụ

Sử dụng các trụ sở làm việc, nhà ở xã hội, ký túc xá và các trường học không có nhu cầu sử dụng để cải tạo và sửa chữa cho phù hợp với nhu cầu sử dụng, có phương án sắp xếp, bố trí cho cán bộ, công chức, viên chức của các đơn vị hành chính 02 tỉnh (Bến Tre và Trà Vinh) có nhu cầu lưu trú để ổn định điều kiện làm việc tại đơn vị, đảm bảo sức khỏe, điều kiện ăn ở, sinh hoạt.

2. Phương án bố trí phương tiện đi lại từ tỉnh Trà Vinh, Bến Tre đến tỉnh Vĩnh Long

Đối với cán bộ, công chức đáp ứng đủ tiêu chuẩn, chức danh theo quy định: Bố trí xe đưa đón từ nhà đến trụ sở làm việc.

Đối với cán bộ, công chức còn lại: Trước mắt, để tạo điều kiện cho công chức, người lao động ổn định, yên tâm công tác, không làm xáo trộn quá nhiều về cuộc sống; trên cơ sở nhu cầu đi lại cụ thể, định kỳ hàng tuần thủ trưởng đơn vị tổ chức thuê mướn phương tiện đưa rước cán bộ, công chức, người lao động có nhu cầu di chuyển từ tỉnh Trà Vinh, Bến Tre đến nơi làm việc mới theo quy chế của cơ quan, đơn vị.

Phần thứ tư

BÁO CÁO GIẢI TRÌNH VỀ VIỆC ĐÁP ỨNG CÁC TIÊU CHÍ THÀNH LẬP TỔ CHỨC THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT

Việc thành lập Sở Công Thương tỉnh Vĩnh Long bảo đảm đúng điều kiện, trình tự, thủ tục và thẩm quyền quy định tại Nghị định số 158/2018/NĐ-CP, ngày 22/11/2018 của Chính phủ về quy định thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính. Xác định rõ mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ của đơn vị. Đảm bảo nâng cao hiệu quả hoạt động và số lượng người làm việc tối thiểu theo quy định.

Sau khi thành lập Sở Công Thương tỉnh Vĩnh Long tổ chức thực hiện các nhiệm vụ tổ chức thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về công thương, bao gồm các ngành và lĩnh vực: Cơ khí; luyện kim; điện; năng lượng mới; năng lượng tái tạo; sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; dầu khí (nếu có); hóa chất; vật liệu nổ công nghiệp; công nghiệp khai thác mỏ và chế biến khoáng sản; công nghiệp tiêu dùng; công nghiệp thực phẩm; công nghiệp hỗ trợ; công nghiệp môi trường; công nghiệp chế biến khác; tiểu thủ công nghiệp; khuyến công; hoạt động thương mại và lưu thông hàng hóa trên địa bàn; sản xuất và tiêu dùng bền vững; xuất khẩu, nhập khẩu; dịch vụ logistics; xúc tiến thương mại; thương mại điện tử; dịch vụ thương mại; quản lý cạnh tranh; bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp; phòng vệ thương mại; hội nhập kinh tế quốc tế; quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn; quản lý thị trường.

Phần thứ năm

TRÁCH NHIỆM CỦA GIÁM ĐỐC SỞ VÀ CÁC CÁ NHÂN CÓ LIÊN QUAN ĐỐI VỚI VIỆC THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP SỞ CÔNG THƯƠNG VÀ THỜI HẠN XỬ LÝ

I. TRÁCH NHIỆM CỦA GIÁM ĐỐC SỞ VÀ CÁC CÁ NHÂN CÓ LIÊN QUAN ĐỐI VỚI VIỆC THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP SỞ CÔNG THƯƠNG

Liên Sở Công Thương tỉnh Bến Tre, Trà Vinh, Vĩnh Long phối hợp lấy ý kiến các cơ quan có liên quan, tổng hợp và hoàn thiện Đề án, trình UBND tỉnh Vĩnh Long xem xét (thông qua Sở Nội vụ thẩm định), trình Đảng ủy UBND tỉnh trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy thông qua chủ trương.

Sở Công Thương tỉnh Vĩnh Long tăng cường công tác tuyên truyền, vận động tạo sự thống nhất về nhận thức và thực hiện trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo đặc biệt là trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị trong đơn vị triển khai thực hiện sắp xếp đơn vị; Chủ động phối hợp với các sở, ngành có liên quan tổng hợp, xây dựng Đề án tổ chức bộ máy, bố trí, sắp xếp đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trực thuộc. Chủ động thống kê, rà soát tài chính, tài sản, các dự án, đề án, các nội dung công việc, nhiệm vụ đang thực hiện,... để tổng hợp, báo cáo, bàn giao theo quy định.

Tổ chức xây dựng kế hoạch và triển khai Đề án Sở Công Thương tỉnh Vĩnh Long theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp và hiệu quả của việc thành lập tổ chức hành chính. Thành lập tổ chức hành chính phải phù hợp với các quy định của pháp luật, tuân thủ các yêu cầu về thủ tục hành chính, quy trình ra quyết định và thông báo công khai trong đơn vị. Bảo đảm duy trì sự ổn định và hiệu quả hoạt động không làm gián đoạn công việc của Sở Công Thương tỉnh Vĩnh Long. Việc tổ chức lại phải được thực hiện công khai, minh bạch, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của công chức. Các quyết định, kế hoạch phải được công bố công khai để cán bộ, công chức biết được thông tin, tham gia ý kiến.

II. THỜI HẠN XỬ LÝ

Tổ chức xây dựng và hoàn chỉnh Đề án theo thẩm định của Sở Nội vụ tỉnh Vĩnh Long: trước ngày 25/5/2025.

Trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt: trước ngày 20/6/2025.

Tổ chức triển khai thực hiện và đi vào hoạt động: từ ngày 15/8/2025.

Phần thứ sáu

KIẾN NGHỊ CỦA CƠ QUAN XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Đề xuất UBND tỉnh trình cấp có thẩm quyền xem xét ban hành cơ chế chính sách hỗ trợ điều kiện đi lại, nhà ở và làm việc cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của đơn vị khi thực hiện sắp xếp về công tác tại trung tâm hành chính mới của đơn vị hành chính cấp tỉnh sau sắp xếp.

Đề xuất tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy về khuyến công và xúc tiến thương mại trực thuộc Sở Tài chính tỉnh Trà Vinh về Sở Công Thương tỉnh Vĩnh Long, trên cơ sở căn cứ điểm d, khoản 5, điều 2 và điểm k, khoản 4, điều 2 tại Thông tư số 04/2022/TT- BCT ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về khuyến công và xúc tiến thương mại thuộc trách nhiệm quản lý của ngành công thương. Chính vì vậy, việc tiếp nhận nhiệm vụ và biên chế thực hiện công tác Khuyến công và Xúc tiến thương mại của tỉnh Trà Vinh để hợp nhất với Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh Bến Tre, Vĩnh Long là phù hợp với tình hình thực tiễn và các quy định hiện hành.

Có chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện cho con em của công chức, viên chức và người lao động được học tập tại các trường trên địa bàn các phường trung tâm hành chính của tỉnh Vĩnh Long.

Thông nhất phương án trong giai đoạn đầu sáp nhập thực hiện bố trí tỷ lệ hợp lý số lượng cán bộ, công chức, viên chức làm việc đồng thời tại trụ sở chính và tại trụ sở của Sở Công Thương tỉnh Bến Tre, Trà Vinh hiện tại để đảm bảo công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực công thương tại các địa bàn của tỉnh cùng sáp nhập và giảm bớt khó khăn trong việc đi lại, sinh hoạt của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

Phần thứ bảy

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ KINH TẾ, XÃ HỘI

Đề án thành lập Sở Công Thương tỉnh Vĩnh Long trên cơ sở hợp nhất Sở Công Thương tỉnh Bến Tre, Trà Vinh, Vĩnh Long thực hiện đúng theo chủ trương và chỉ đạo của Trung ương tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”; Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp.

Đề án thành lập Sở Công Thương tỉnh Vĩnh Long trên cơ sở hợp nhất Sở Công Thương tỉnh Bến Tre, Trà Vinh, Vĩnh Long góp giảm chi phí quản lý, tinh gọn bộ máy hành chính, nâng cao hiệu quả công tác điều hành và phục vụ người dân. Hiệu quả về cơ cấu tổ chức khi thực hiện Đề án sẽ giảm số lượng Sở từ 03 còn 01 Sở, từ 19 phòng, ban, đơn vị trực thuộc xuống còn 07 phòng, ban, đơn vị, đạt tỷ lệ 63,16%.

Hiệu quả kinh tế sẽ tạo ra một môi trường đầu tư hấp dẫn hơn, với quy mô lớn hơn và chính sách thống nhất, từ đó thu hút nhiều dự án đầu tư trong và ngoài nước trên lĩnh vực Công Thương; tối ưu hóa nguồn lực, nâng cao hiệu quả trong việc phát triển hạ tầng công nghiệp thương mại tạo ra nhiều cơ hội việc làm mới trong các ngành công nghiệp và dịch vụ, từ đó nâng cao thu nhập và chất lượng cuộc sống cho người dân.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Vĩnh Long (phê duyệt);
- Sở Nội vụ tỉnh Vĩnh Long;
- SCT tỉnh Bến Tre;
- SCT tỉnh Trà Vinh;
- BGĐ SCT tỉnh Vĩnh Long;
- Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

Trần Nhật Thanh